

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 3- 2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long

Bà Nguyễn Thị Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị H - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, vắng mặt chị H, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2020, Đơn xin xét xử vắng mặt và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Tô Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2011 ngày 10 tháng 01 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay chửi bới, ghen tuông vô cớ, không quan tâm đến gia đình, không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, xô xát. Hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được. Từ ngày 30/01/2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo, mục đích hôn nhân

không đạt được. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Thị Huyền Tr sinh ngày 22/11/2011. Cháu Huyền T khỏe mạnh đang ở với bố và bà nội. Chị đang làm công nhân ở H, thu nhập bình quân 4.000.000đ. Do điều kiện công việc phải sống xa nhà, thuê nhà trọ, đi làm sớm về muộn không có thời gian chăm sóc con nên chị nhường quyền nuôi con cho anh T và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Chị yêu cầu anh T và gia đình bên nội không được cản trở chị thăm nom, chăm sóc và đón con đi chơi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/3/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày và đề nghị: Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau trên tinh thần tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn do UBND xã N cấp năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có quan hệ với người khác, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị không nghe. Hai bên gia đình nội ngoại cũng đã hòa giải nhưng không thành. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trường hợp chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Thị Huyền Tr sinh ngày 22/11/2011. Anh có nguyện vọng được nuôi con vì cháu sống với anh và bà nội từ nhỏ. Anh làm công nhân xây dựng thu nhập 10.000.000đ đến 11.000.000đ/tháng. Hiện nay hai bố con đang sống với mẹ đẻ ra anh. Bà nội khỏe mạnh đưa đón cháu đi học trong lúc anh đi làm. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị ngày 16/3/2021, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh T trình bày và đề nghị: Về quá trình chung sống của vợ chồng anh T chị H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi cọ, xô xát với nhau, gia đình bà cũng đã nhiều lần khuyên giải cho vợ chồng đoàn tụ, làm ăn nuôi con nhưng các cháu không đoàn tụ được. Các cháu đã sống ly thân mỗi người một nơi, vợ chồng không còn tình cảm. Anh T và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr sinh ngày 22/11/2011. Hiện nay, hai bố con anh T đang ở cùng nhà với bà. Bà có sức khỏe tốt, không bận công việc gì mà chỉ ở nhà chăm sóc cháu và đưa đón cháu đi học. Trước đây, chị H có gửi tiền cho bà chăm sóc cháu nhưng thời gian gần đây không gửi nữa, mọi tiền ăn học của cháu Tr là do anh T chu cấp. Anh T đi làm nhưng vẫn thường xuyên ở nhà chăm sóc con. Hiện nay, cháu Tr đang học lớp 4 Trường tiểu học D, cháu phát triển tốt, khỏe mạnh. Nếu Tòa án giao cháu Tr cho anh T nuôi thì bà cam kết sẽ tiếp tục chăm sóc cháu Tr chu đáo, đưa đón cháu đi học đầy đủ.

Biên bản xác minh ngày 28/12/2020 tại UBND xã D, huyện T thể hiện: Anh Nguyễn Văn T và chị Tô Thị H kết hôn năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, cháu khỏe mạnh, đang ở cùng bố và bà nội. Bà nội khỏe mạnh nên có điều kiện chăm sóc cháu. Anh T đi làm nhưng vẫn thường xuyên về nhà, không có vi phạm pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56, 81, 82 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị được ly hôn anh T. Về con chung giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng. Về tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú tại xã Dâ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt do điều kiện công việc nên không thể tham gia tố tụng được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống không có tình cảm, hay cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con nhưng trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Gia đình hai bên đã giàn xếp hòa giải không thành. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Thị Huyền Tr sinh ngày 22/11/2011. Hiện nay, chị H đang làm công nhân ở H, mức thu nhập thấp, phải thuê nhà trọ và bận công việc không có thời gian chăm sóc con nên chị đồng ý giao con cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tr vì lâu nay cháu ở với bố và bà nội, cháu khỏe mạnh, có bà nội hỗ trợ chăm sóc cháu. Anh có mức thu nhập cao hơn, có điều kiện

chăm sóc con tốt hơn nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Huyền Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và gia đình không được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung của chị H. Xét mức cấp dưỡng nuôi con, do hiện tại mức thu nhập của chị H thấp nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng là phù hợp với điều kiện thu nhập và khả năng cấp dưỡng của chị H. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu anh T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Thị Huyền Tr sinh ngày 22/11/2011. Giao cho anh i trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huyền Tr. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Huyền Tr đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2018/0004266 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu